

Bản án số: 133/2025/DS-ST
Ngày 20/9/2025.
V/v tranh chấp “Hợp đồng mua bán”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KHU VỰC 9-VĨNH LONG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Vân.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Võ Văn Hiện.
2. Ông Huỳnh Ngọc Sơn

Thư ký phiên tòa: Ông Trương Nguyễn Nhứt–Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thanh Phú, tỉnh Bến Tre.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 9-Vĩnh Long tham gia phiên tòa:
Ông Nguyễn Phú Quý– Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 9 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 9-Vĩnh Long xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 67/2024/TLST-DS ngày 21 tháng 02 năm 2025 về tranh chấp “Hợp đồng mua bán tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 100/2025/QĐST-DS ngày 15 tháng 8 năm 2025, giữa

- Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Thanh T, sinh năm 1977; Địa chỉ: ấp AHB, xã AQ, tỉnh Vĩnh Long.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Chị Phan Kỳ D, sinh năm 2001; Địa chỉ: ấp AHB, xã AQ, tỉnh Vĩnh Long.

2. Bị đơn: Ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1962 và bà Nguyễn Thị Đ, sinh năm 1961; Địa chỉ: ấp 1, xã TP, tỉnh Vĩnh Long.

Chị D yêu cầu xét xử vắng mặt. Ông T và bà Đ vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và trong quá trình tố tụng tại Tòa án người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:

Vào ngày 19/3/2023, Cửa hàng thuốc thú y thủy sản ML có ký kết hợp đồng mua bán thức ăn nuôi tôm và thuốc thú y thủy sản với ông T và bà Đ. Theo đó hai bên thoả thuận Cửa hàng thuốc thú y thủy sản ML sẽ bán thức ăn và thuốc thủy sản cho ông T và bà Đ, đến ngày thu hoạch tôm xong thì ông T và bà Đ phải thanh toán dứt điểm công nợ của vụ tôm đó cho Cửa hàng thuốc thú y thủy sản ML. Trong quá trình mua bán Cửa hàng thuốc thú y thủy sản ML đã giao hàng hoá theo đơn hàng ông T và bà Đ, mỗi lần giao hàng đều có ký nhận. Tuy nhiên, sau khi thu hoạch tôm ông T và bà Đ không thanh toán nợ theo thoả thuận nên ngày

16/11/2023 thì Cửa hàng thuốc thú y thủy sản ML ngưng mua bán với ông T và bà Đ.

Tính đến ngày 16/11/2023, ông T và bà Đ còn nợ Cửa hàng thuốc thú y thủy sản ML số tiền 582.344.000 đồng. Ngày 02/02/2024 Cửa hàng thuốc thú y thủy sản ML có đối chiếu công nợ với ông T và bà Đ, số tiền mà ông T và bà Đ nợ Cửa hàng thuốc thú y thủy sản ML là 582.344.000 đồng. Ông T và bà Đ cam kết sau 30 ngày kể từ ngày 02/02/2024 sẽ thanh toán toàn bộ công nợ cho Cửa hàng thuốc thú y thủy sản ML. Đến ngày 22/4/2024 ông T và bà Đ có trả cho Cửa hàng thuốc thú y thủy sản ML 10.000.000 đồng. Sau đó, Cửa hàng thuốc thú y thủy sản ML nhiều lần đề nghị ông T và bà Đ thanh toán nợ nhưng không có kết quả, làm ảnh hưởng đến quá trình kinh doanh cửa hàng.

Chị Tiên yêu cầu ông T và bà Đ phải có nghĩa vụ liên đới giao trả cho chị Tiên nợ gốc là 572.344.000 đồng và lãi suất tính từ ngày 02/3/2024 đến ngày 20/9/2025 là 18 tháng 17 ngày x 0,83%/tháng = 88.200.117 đồng.

Bị đơn ông Nguyễn Văn T và bà Nguyễn Thị Đ đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ nhiều lần các thông báo, quyết định nhưng vẫn vắng mặt không có lý do, không cung cấp chứng cứ chứng minh để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình.

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu:

Thẩm phán và Hội đồng xét xử sơ thẩm đã thực hiện đúng trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự từ khi thụ lý cho đến khi đưa vụ án ra xét xử. Tại phiên tòa các đương sự đã thực hiện đúng quy định tại các Điều 70, 71, 72 của Bộ luật tố tụng dân sự. Riêng bị đơn chưa thực hiện đúng các quy định tại các Điều 71, 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc ông Nguyễn Văn T và bà Nguyễn Thị Đ có nghĩa vụ liên đới trả cho Nguyễn Thị Thanh T nợ gốc 572.344.000 đồng và lãi suất tính từ ngày 02/3/2024 đến ngày 20/9/2025 là 18 tháng 17 ngày x 0,83%/tháng = 88.200.117 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật: Đây là vụ án “Tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản” theo quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

[2] Về thẩm quyền: Bị đơn ông Nguyễn Văn T và bà Nguyễn Thị Đ, cư trú tại ấp 1, xã Thạnh Phú, tỉnh Vĩnh Long. Do đó vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 9-Vĩnh Long theo quy định tại khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[3] Về tố tụng:

- Chị Phan Kỳ D có yêu cầu Tòa án giải quyết vắng mặt. Căn cứ khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt chị Duyên.

- Bị đơn ông Nguyễn Văn T và bà Nguyễn Thị Đ đã được Tòa án tổng đạt các văn bản tố tụng đúng trình tự, thủ tục theo quy định tại Điều 177 Bộ luật tố tụng dân sự nhưng ông T và bà Đ đều vắng mặt không có lý do. Căn cứ quy định tại khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt ông T và bà Đ.

[4] Nội dung vụ án: Chị Tiền yêu cầu ông T và bà Đ phải có nghĩa vụ liên đới giao trả cho chị Tiền nợ gốc là 572.344.000 đồng và nợ lãi 88.200.117 đồng.

[5] Xét thấy: Trong quá trình thụ lý giải quyết vụ án, nguyên đơn đã cung cấp tài liệu, chứng cứ là bản gốc “Hợp đồng mua bán” ngày 28/3/2023 và “Bảng đối chiếu xác nhận công nợ” ngày 02/02/2024 để chứng minh cho yêu cầu khởi kiện của mình. Trong quá trình giải quyết vụ án ông T và bà Đ đã được Tòa án nhiều lần tổng đạt hợp lệ nhiều lần các thông báo, quyết định của Tòa án nhưng vẫn vắng mặt không có lý do nên ông T và bà Đ đã từ bỏ nghĩa vụ chứng minh của mình theo quy định tại Điều 91 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Vì vậy, Hội đồng xét xử căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ do chị Tiền giao nộp để xét xử vụ án.

[5] Xét yêu cầu của chị Tiền, xét thấy: Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ và lời trình bày của các đương sự có đủ cơ sở xác định, hợp đồng mua bán giữa được xác lập trên cơ sở tự nguyện và bình Đ không bên nào bị lừa dối hoặc bị ép buộc nên được xem là hợp đồng hợp pháp. Do đó làm phát sinh quyền và nghĩa vụ giữa các bên nên các bên phải có trách nhiệm thực hiện các thỏa thuận đã cam kết. Quá trình thực hiện hợp đồng ông T và bà Đ đã vi phạm hợp đồng mà hai bên đã thỏa thuận làm phát sinh tranh chấp. Lẽ đó yêu cầu khởi kiện của chị Tiền là có căn cứ nên cần buộc ông T và bà Đ phải có nghĩa vụ liên đới trả cho chị Tiền số tiền nợ gốc là 572.344.000 đồng và nợ lãi 88.200.117 đồng phù hợp nên được chấp nhận.

[6] Ông T và bà Đ thuộc trường hợp miễn án phí nhưng ông T và bà Đ không có đơn đề nghị được miễn án phí nên ông T và bà Đ phải nộp án phí dân sự sơ thẩm.

[7] Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.
Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 26, điểm b, khoản 1 Điều 35, 39, 147, 217, 218, 219, 266 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 430, 440, 357 Bộ luật dân sự; Điều 27 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí của Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu của chị Nguyễn Thị Thanh T. Buộc ông Nguyễn Văn T và bà Nguyễn Thị Đ có nghĩa vụ liên đới giao trả cho chị Nguyễn Thị Thanh T số tiền là 660.544.117 đồng, trong đó nợ gốc là 572.344.000 đồng và nợ lãi 88.200.117 đồng.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho

người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

2. Án phí dân sự sơ thẩm:

- Chị Nguyễn Thị Thanh T được Thi hành án dân sự tỉnh Vĩnh Long hoàn trả số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 14.778.000 đồng theo biên lai thu số 0011092 ngày 12 tháng 5 năm 2025.

- Ông Nguyễn Văn T và bà Nguyễn Thị Đ phải liên đới nộp là 30.421.765 đồng.

Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ theo quy định.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án, hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- VKSND khu vực 9-Vĩnh Long;
- Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long;
- Thi hành án dân sự tỉnh Vĩnh Long;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Trần Thị Vân

